

**Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh**  
(trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”)

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

**Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh**  
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

92  
I AN  
ÔN  
HU  
NH

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Thành viên	
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiểu Em.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 26 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Văn Hiếu Em  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

Số tham chiếu: 12840339/68619255-25

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”) (“Công ty”) được lập ngày 26 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Minh Ngọc  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 6455-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

190  
PH  
3 C  
KIN  
PHÚ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>52.547.391.181.642</b>	<b>45.902.380.724.646</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>3.403.397.507.734</b>	<b>3.754.805.560.503</b>
111	1. Tiền		3.383.397.507.734	3.554.805.560.503
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	200.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>19.899.244.731.666</b>	<b>19.102.380.958.687</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.899.244.731.666	19.102.380.958.687
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.066.736.913.128</b>	<b>4.936.884.751.500</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	379.182.509.097	242.858.186.035
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	19.670.529.397	7.159.329.837
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.055.000.000.000	3.148.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.612.883.874.634	1.538.867.235.628
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>22.644.526.000.391</b>	<b>17.799.509.595.546</b>
141	1. Hàng tồn kho		23.254.120.155.400	18.222.607.281.484
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>533.486.028.723</b>	<b>308.799.858.410</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	328.323.620.044	268.727.941.201
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		205.162.408.679	40.071.917.209
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.796.459.687.903</b>	<b>4.330.406.226.155</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>238.569.002.397</b>	<b>249.488.689.910</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	12	238.569.002.397	249.488.689.910
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>773.989.042.837</b>	<b>1.432.227.787.469</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	747.990.164.337	1.406.228.908.969
222	Nguyên giá		9.378.247.559.052	9.622.024.554.678
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.630.257.394.715)	(8.215.795.645.709)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	25.998.878.500	25.998.878.500
228	Nguyên giá		36.771.076.200	36.771.076.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>54.108.981.914</b>	<b>4.941.859.483</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	54.108.981.914	4.941.859.483
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>2.291.403.340.229</b>	<b>2.365.056.004.466</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con	16.1	499.998.900.000	2.780.912.391.737
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh	16.2	391.404.440.229	286.632.252.729
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.1	-	(702.488.640.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.400.000.000.000	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>438.389.320.526</b>	<b>278.691.884.827</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12.420.343.336	24.712.228.152
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	425.968.977.190	253.979.656.675
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>56.343.850.869.545</b>	<b>50.232.786.950.801</b>

200  
ÔNG  
HỮN  
TÀI  
-T.P.V

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>38.523.034.983.359</b>	<b>29.630.943.884.937</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>38.523.034.983.359</b>	<b>29.630.943.884.937</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	9.818.045.442.335	6.158.175.789.117
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	190.583.985.818	88.506.854.304
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	788.136.432.454	584.027.449.484
314	4. Phải trả người lao động		155.620.813.000	132.002.387.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.950.957.104.342	2.081.533.490.879
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	536.936.718.444	21.723.198.012
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	782.867.096.513	660.361.365.396
320	8. Vay ngắn hạn	22	23.210.389.329.323	19.834.373.683.834
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		89.498.061.130	70.239.666.911
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>17.820.815.886.186</b>	<b>20.601.843.065.864</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23.1</b>	<b>17.820.815.886.186</b>	<b>20.601.843.065.864</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.012.835.000.000	4.361.518.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.012.835.000.000	4.361.518.810.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.807.980.886.186	16.240.324.255.864
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		5.698.046.045.864	12.136.167.990.967
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.109.934.840.322	4.104.156.264.897
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>56.343.850.869.545</b>	<b>50.232.786.950.801</b>

33  
3  
IG  
M  
C

*Thảo*



Võ Thị Phương Thảo  
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	108.231.208.978.447	91.984.185.491.966
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	107.323.239.542.839	91.100.237.041.776
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 30	(88.247.326.186.763)	(74.466.066.849.425)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.075.913.356.076	16.634.170.192.351
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	1.811.909.118.359	1.651.587.260.364
22	7. Chi phí tài chính	26	(1.032.317.409.062)	(729.376.295.214)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(963.495.029.153)	(695.030.896.275)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(9.438.044.684.329)	(9.817.744.811.062)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(3.147.403.940.405)	(2.400.236.185.298)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.270.056.440.639	5.338.400.161.141
31	11. Thu nhập khác	29	20.217.645.168	19.192.653.348
32	12. Chi phí khác	29	(13.425.771.434)	(223.493.093.510)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	6.791.873.734	(204.300.440.162)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.276.848.314.373	5.134.099.720.979
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(1.638.902.794.566)	(1.226.420.618.792)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.1	171.989.320.515	196.477.162.710
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.809.934.840.322	4.104.156.264.897



*Thảo*

Võ Thị Phương Thảo  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

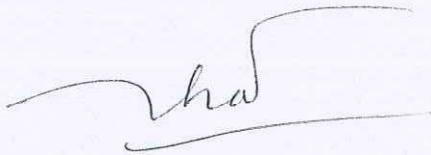
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>7.276.848.314.373</b>	<b>5.134.099.720.979</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	707.557.241.718	994.223.949.422
03	Dự phòng		205.754.863.290	252.798.371.591
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(57.131.972)	(104.133.542)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.587.041.135.286)	(1.255.427.459.061)
06	Chi phí lãi vay	26	963.495.029.153	695.030.896.275
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>7.566.557.181.276</b>	<b>5.820.621.345.664</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(198.242.089.700)	251.139.153.256
10	Tăng hàng tồn kho		(5.031.512.873.916)	(584.278.955.858)
11	Tăng các khoản phải trả		5.245.690.799.823	2.311.722.882.391
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(47.303.794.027)	41.306.775.957
14	Tiền lãi vay đã trả		(946.150.343.337)	(697.703.416.908)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(1.461.385.165.412)	(932.426.715.489)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>5.127.653.714.707</b>	<b>6.210.381.069.013</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(107.727.110.289)	(73.706.337.363)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		59.467.850.582	20.162.822.027
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(33.214.305.970.369)	(35.447.767.752.133)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		30.110.442.197.390	30.485.730.737.856
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(604.771.087.500)	(161.845.720.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.010.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.482.721.595.249	1.837.574.645.613
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(264.172.524.937)</b>	<b>(3.339.851.604.000)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	23.1	109.037.980.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	22	83.635.790.812.961	71.945.209.169.190
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(80.259.775.167.472)	(72.384.957.974.646)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.1	(8.700.000.000.000)	(2.749.999.999.995)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(5.214.946.374.511)</b>	<b>(3.189.748.805.451)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(351.465.184.741)	(319.219.340.438)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.754.805.560.503	4.073.920.767.399
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		57.131.972	104.133.542
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.403.397.507.734	3.754.805.560.503



Võ Thị Phương Thảo  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 24.494 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 22.367).

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 26 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 4 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

#### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm khi phát sinh.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí tiền thuê trả trước;
- ▶ Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào liên doanh*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.14 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

19  
PH  
3 C  
KI  
PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	254.143.283.239	253.640.822.336
Tiền gửi ngân hàng	3.096.166.680.635	3.242.417.073.848
Tiền đang chuyển	33.087.543.860	58.747.664.319
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	20.000.000.000	200.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.403.397.507.734</u></b>	<b><u>3.754.805.560.503</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND ở tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

020  
HỌ  
TÊN  
M.T  
-T.P

**Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh**  
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị ghi sổ	VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		
<b>Ngắn hạn</b>	<b>19.899.244.731.666</b>	<b>19.899.244.731.666</b>	<b>19.102.380.958.687</b>	<b>19.102.380.958.687</b>	<b>19.102.380.958.687</b>	
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	13.291.300.000.000	13.291.300.000.000	12.903.064.712.329	12.903.064.712.329	12.903.064.712.329	
Đầu tư khác (ii)	6.607.944.731.666	6.607.944.731.666	6.199.316.246.358	6.199.316.246.358	6.199.316.246.358	
<b>Dài hạn</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	-	-	-	
Đầu tư khác (iii)	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.299.244.731.666</b>	<b>21.299.244.731.666</b>	<b>19.102.380.958.687</b>	<b>19.102.380.958.687</b>	<b>19.102.380.958.687</b>	

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu năm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Đây là các khoản trái phiếu năm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu nhà cung cấp (i)	923.425.890.174	1.023.969.243.621
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	293.014.411.725	177.001.918.901
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	80.700.216.538	95.772.412.644
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	76.710.001.156	123.491.899.918
- Công ty TNHH Panasonic	42.565.091.432	35.126.516.454
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	37.284.502.503	76.666.694.500
- Công ty Cổ Phần Thế Giới Số	34.802.828.518	78.168.874.253
- Khác	358.348.838.302	437.740.926.951
Phải thu lãi tiền gửi	641.319.967.713	465.479.191.828
Các khoản khác	48.138.016.747	49.418.800.179
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.612.883.874.634</u></b>	<b><u>1.538.867.235.628</u></b>
<b>Trong đó:</b>		
Phải thu khác bên khác	1.589.290.147.241	1.507.642.512.196
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 32)	23.593.727.393	31.224.723.432

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

## 10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Điện thoại di động	10.436.899.938.796	6.308.558.749.355
Thiết bị điện tử	5.440.584.804.067	5.642.433.998.542
Thiết bị gia dụng	3.278.784.040.474	2.987.823.278.813
Máy tính xách tay	2.038.788.415.621	1.394.857.344.900
Phụ kiện	1.332.468.453.657	1.135.937.046.238
Máy tính bảng	381.398.358.512	246.873.698.461
Đồng hồ và mắt kính	181.715.243.135	183.440.081.019
Hàng hóa khác	163.480.901.138	322.683.084.156
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.254.120.155.400</u></b>	<b><u>18.222.607.281.484</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>22.644.526.000.391</u></b>	<b><u>17.799.509.595.546</u></b>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	423.097.685.938	204.448.896.920
Số cuối năm	<u>(609.594.155.009)</u>	<u>(423.097.685.938)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>328.323.620.044</b>	<b>268.727.941.201</b>
Chi phí thuê cửa hàng	246.734.278.995	258.309.167.896
Công cụ, dụng cụ	30.613.951.287	3.031.821.469
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	21.119.645.276	6.959.800.062
Khác	29.855.744.486	427.151.774
<b>Dài hạn</b>	<b>12.420.343.336</b>	<b>24.712.228.152</b>
Chi phí thuê cửa hàng	7.597.948.480	7.677.687.318
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	2.518.804.422	12.510.473.848
Công cụ, dụng cụ	971.141.026	2.499.819.075
Chi phí khác	1.332.449.408	2.024.247.911
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>340.743.963.380</u></b>	<b><u>293.440.169.353</u></b>

**12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh**  
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	8.403.886.698.654	295.005.415.651	923.132.440.373	9.622.024.554.678
Mua mới	13.612.368.083	-	2.627.319.197	16.239.687.280
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	75.497.904.912	-	23.086.339.587	98.584.244.499
Thanh lý	(280.530.011.471)	(618.616.055)	(77.452.299.879)	(358.600.927.405)
Số cuối năm	8.212.466.960.178	294.386.799.596	871.393.799.278	9.378.247.559.052
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	5.704.877.185.241	144.172.271.108	779.571.524.595	6.628.620.980.944
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	(7.118.758.502.308)	(225.836.296.187)	(871.200.847.214)	(8.215.795.645.709)
Khấu hao trong năm	(650.256.872.843)	(28.715.798.947)	(28.584.569.928)	(707.557.241.718)
Thanh lý	216.992.238.974	618.616.055	75.484.637.683	293.095.492.712
Số cuối năm	(7.552.023.136.177)	(253.933.479.079)	(824.300.779.459)	(8.630.257.394.715)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	1.285.128.196.346	69.169.119.464	51.931.593.159	1.406.228.908.969
Số cuối năm	660.443.824.001	40.453.320.517	47.093.019.819	747.990.164.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy tính	VND
				Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm và cuối năm	<u>25.998.878.500</u>	<u>10.772.197.700</u>		<u>36.771.076.200</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm và cuối năm		<u>- (10.772.197.700)</u>		<u>(10.772.197.700)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm và cuối năm	<u>25.998.878.500</u>	<u>-</u>		<u>25.998.878.500</u>

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập các cửa hàng và trung tâm phân phối mới.



**Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh**  
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON**

**16.1 Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ vốn nắm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ vốn nắm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư VND
Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	99,99978	499.998.900.000	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ thuốc và dược phẩm	-	-	99,999994	2.078.423.751.737
MWG (Cambodia) Co., Ltd (iii)	Campuchia	Thương mại sản phẩm điện tử	-	-	100,00	702.488.640.000 (702.488.640.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>499.998.900.000</b>		<b>2.780.912.391.737 (702.488.640.000)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

### 16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Cũng tại ngày này, Công ty đã góp thêm vốn với giá trị 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh tăng lên thành 99,99978%.
- (ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của An Khang với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (bên liên quan) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.
- (iii) Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.

### 16.2 Đầu tư vào công ty liên doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số tiền	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Số tiền	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu
	VND	VND	%	VND	VND	%
PT Era Blu Elektronik	<u>391.404.440.229</u>	<u>-</u>	45	<u>286.632.252.729</u>	<u>-</u>	45

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty đã góp vốn vào PT Era Blu Elektronik theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia.

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2025, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển tiền góp vốn thêm trị giá 4.031.250 USD tương đương 104.772.187.500 VND vào PT Era Blu Elektronik.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh**  
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**17.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả người bán	9.572.465.347.656	9.572.465.347.656	5.943.240.953.220	5.943.240.953.220	
- Công ty và chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang	997.223.502.161	997.223.502.161	460.712.788.052	460.712.788.052	
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	756.976.130.250	756.976.130.250	131.287.827.660	131.287.827.660	
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	666.723.063.260	666.723.063.260	494.430.598.816	494.430.598.816	
- Chi nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	542.129.799.607	542.129.799.607	328.278.198.699	328.278.198.699	
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	511.561.974.100	511.561.974.100	368.233.274.979	368.233.274.979	
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	454.259.048.400	454.259.048.400	283.926.664.042	283.926.664.042	
- Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba	431.237.672.191	431.237.672.191	319.793.975.590	319.793.975.590	
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	306.843.068.741	306.843.068.741	330.376.839.713	330.376.839.713	
- Khác	4.905.511.088.946	4.905.511.088.946	3.226.200.785.669	3.226.200.785.669	
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)	245.580.094.679	245.580.094.679	214.934.835.897	214.934.835.897	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.818.045.442.335</b>	<b>9.818.045.442.335</b>	<b>6.158.175.789.117</b>	<b>6.158.175.789.117</b>	

**17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Số dư thể hiện các khoản trả trước theo hợp đồng mua bán từ khách hàng.

THẾ GIỚI DI ĐỘNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	403.207.734.254	1.638.902.794.566	(1.461.385.165.412)	580.725.363.408
Thuế giá trị gia tăng	172.556.679.771	14.332.985.760.324	(14.314.091.539.917)	191.450.900.178
Thuế thu nhập cá nhân	7.632.870.613	284.843.021.084	(277.875.871.767)	14.600.019.930
Khác	630.164.846	20.154.299.546	(19.424.315.454)	1.360.148.938
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>584.027.449.484</b>	<b>16.276.885.875.520</b>	<b>(16.072.776.892.550)</b>	<b>788.136.432.454</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng nhân viên	2.157.062.672.016	1.521.285.418.010
Chi phí tiếp thị quảng cáo	365.569.840.291	220.288.299.910
Chi phí hỗ trợ lãi suất	172.645.066.666	118.426.634.122
Các khoản phải trả nhân viên	80.136.953.905	76.992.803.097
Chi phí lãi vay	72.706.064.104	55.361.378.288
Chi phí tiện ích	65.782.041.546	51.253.024.056
Chi phí vận chuyển	8.471.523.316	7.382.232.358
Khác	28.582.942.498	30.543.701.038
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.950.957.104.342</b>	<b>2.081.533.490.879</b>

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ các gói bảo dưỡng và cung cấp thiết bị thay thế đã nhận trước từ các khách hàng.

**21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phiếu mua hàng	401.625.744.500	108.650.944.688
Thu hộ cước phí	253.725.254.750	420.467.346.267
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	66.344.240.957	64.517.277.611
Nhận ký quỹ	22.215.000.000	20.995.000.000
Khác	38.956.856.306	45.730.796.830
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>782.867.096.513</b>	<b>660.361.365.396</b>
Trong đó:		
<i>Phải trả bên khác</i>	777.111.492.267	638.424.407.104
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	5.755.604.246	21,936.958.292

**Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh**  
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm	Thu từ đi vay	Trả nợ vay	Số cuối năm	VND
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	<u>19.834.373.683.834</u>	<u>83.635.790.812.961</u>	<u>(80.259.775.167.472)</u>	<u>23.210.389.329.323</u>	

Trong đó:  
Số có khả năng trả nợ  
Vay ngắn hạn

19.834.373.683.834

23.210.389.329.323

**22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn
	VND	
Khoản vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo	<u>23.210.389.329.323</u>	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2026 đến ngày 24 tháng 6 năm 2026

W/P J/K G/P 10/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	14.886.167.990.962	19.247.686.800.962
Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.104.156.264.897	4.104.156.264.897
Chia cổ tức	-	(2.749.999.999.995)	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	<u>4.361.518.810.000</u>	<u>16.240.324.255.864</u>	<u>20.601.843.065.864</u>
<b>Năm nay:</b>			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	16.240.324.255.864	20.601.843.065.864
Lợi nhuận thuần trong năm	-	5.809.934.840.322	5.809.934.840.322
Chia cổ tức (i)	-	(8.700.000.000.000)	(8.700.000.000.000)
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu (ii)	6.542.278.210.000	(6.542.278.210.000)	-
Góp vốn bằng tiền (iii)	109.037.980.000	-	109.037.980.000
Số cuối năm	<u>11.012.835.000.000</u>	<u>6.807.980.886.186</u>	<u>17.820.815.886.186</u>

- (i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 8.700.000.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (2024: 4.000.000.000.000 VND và 2025: 4.700.000.000.000 VND) cho các cổ động hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 17 tháng 1 năm 2025; 02/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 3 tháng 4 năm 2025; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 10 tháng 07 năm 2025; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 1 tháng 10 năm 2025 và 06/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 5 tháng 11 năm 2025.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ động hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.
- (iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.

**23.2 Chi tiết vốn đã góp**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	98,955	435.910.240	99,94
Các cá nhân	11.507.900	1,045	241.641	0,06
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>1.101.283.500</u>	<u>100,00</u>	<u>436.151.881</u>	<u>100,00</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.2 Chi tiết vốn đã góp (tiếp theo)**

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>108.231.208.978.447</b>	<b>91.984.185.491.966</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	107.535.299.540.680	91.442.773.850.246
Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.909.437.767	541.411.641.720
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(907.969.435.608)</b>	<b>(883.948.450.190)</b>
Hàng bán bị trả lại	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>107.323.239.542.839</b>	<b>91.100.237.041.776</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	106.627.330.105.072	90.558.825.400.056
Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.909.437.767	541.411.641.720

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay và đầu tư	1.658.562.371.134	1.475.367.891.228
Chiết khấu thanh toán	151.031.644.405	173.637.343.565
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.315.102.820	1.302.031.614
Khác	-	1.279.993.957
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.811.909.118.359</b>	<b>1.651.587.260.364</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng và dịch vụ cung cấp	88.247.326.186.763	74.466.066.849.425

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	963.495.029.153	695.030.896.275
Lỗ do chuyển nhượng công ty con	65.483.651.737	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	31.845.720.000
Khác	3.338.728.172	2.499.678.939
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.032.317.409.062</b>	<b>729.376.295.214</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 31.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN	1.631.478.648.754	1.231.137.391.667
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	<u>7.424.145.812</u>	<u>(4.716.772.875)</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.638.902.794.566	1.226.420.618.792
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(171.989.320.515)</u>	<u>(196.477.162.710)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.466.913.474.051</u></b>	<b><u>1.029.943.456.082</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>7.276.848.314.373</u></b>	<b><u>5.134.099.720.979</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.455.369.662.875	1.026.819.944.196
<i>Các điều chỉnh</i>		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	7.424.145.812	(4.716.772.875)
Chi phí không được trừ	4.119.665.364	1.471.140.761
Dự phòng đầu tư nước ngoài	-	6.369.144.000
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b><u>1.466.913.474.051</u></b>	<b><u>1.029.943.456.082</u></b>

#### 31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả	176.618.473.257	144.812.651.110	31.805.822.147	144.812.651.110
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	121.918.831.002	84.619.537.188	37.299.293.814	43.729.757.804
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	107.387.343.689	4.344.639.602	103.042.704.087	4.344.639.602
Dự phòng chi phí bảo hành	17.899.612.226	14.047.933.382	3.851.678.844	460.772.513
Dự phòng khấu hao	2.156.143.410	6.175.722.101	(4.019.578.691)	3.076.422.829
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(11.426.394)	(20.826.708)	9.400.314	52.918.852
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b><u>425.968.977.190</u></b>	<b><u>253.979.656.675</u></b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b><u>171.989.320.515</u></b>	<b><u>196.477.162.710</u></b>

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm)	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Công ty cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Quý Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Zynstra tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Purple Wifi tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước, bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức bằng tiền	8.695.179.943.522	2.748.476.418.927
	Cổ tức bằng cổ phiếu	6.538.653.600.000	-
	Nhận chuyển nhượng công ty con	99.998.900.000	-
	Thanh toán vay	-	2.181.850.000.000
	Vay	-	292.400.000.000
	Lãi vay	-	79.322.775.940
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.012.940.100.000	-
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	1.801.639.651.850	1.705.838.285.052
	Mua hàng hóa	440.346.829.083	463.353.422.465
	Bán hàng hóa và dịch vụ	32.421.685.242	30.716.400.000
	Bán tài sản cố định	1.259.122.225	636.753.358
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	452.340.775.083	488.665.818.561
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	226.241.503.519	232.836.788.855
	Dịch vụ cho thuê	23.048.400.000	22.451.542.601
	Mua tài sản cố định	4.483.537.422	21.111.349
	Bán tài sản cố định	1.461.772.181	762.957.282
	Mua hàng hóa	120.281.659	594.444
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	18.380.327.091	15.339.604.308
	Phiếu mua hàng	1.411.164.500	-
	Mua tài sản cố định	254.606.758	1.714.125.708
	Góp vốn	-	130.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	373.104.733.014	-
	Bán tài sản cố định	53.820.619.761	-
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	7.619.203.821	80.299.356.385
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Góp vốn	-	31.845.720.000

1083-  
NG  
JNG  
TAM  
P. HỒ C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND
			Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	130.837.206.774	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	16.047.910.932	15.055.043.664
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	2.115.803.639	1.089.321.304
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Bán hàng hóa	35.885.338	96.614.245
		<b>149.036.806.683</b>	<b>16.240.979.213</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán công cụ, dụng cụ	6.912.000.817	-
	Cho thuê Chi hộ	2.074.355.898	14.119.569.377
		428.418.548	3.674.261.934
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	7.573.719.423	8.092.456.265
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Dịch vụ khác	3.015.479.418	4.333.954.056
	Chi hộ	609.892.620	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.940.100.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	39.760.669	89.104.770
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	-	915.377.030
		<b>23.593.727.393</b>	<b>31.224.723.432</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	177.977.072.387	153.304.334.357
	Mua hàng hóa	459.076.755	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	61.047.259.724	56.012.713.892
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	4.682.783.222	5.473.324.841
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	1.412.060.256	144.462.807
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Mua hàng hóa	1.842.335	-
		<b>245.580.094.679</b>	<b>214.934.835.897</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Chi hộ	3.586.085.196	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	1.840.887.467	4.717.652.365
Thợ Điện Máy Xanh	Chi hộ	324.700.765	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Chi hộ	3.930.818	12.802.224
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ	-	620.202.279
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	-	16.586.301.424
		<b>5.755.604.246</b>	<b>21.936.958.292</b>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.835.700.000	1.711.436.506
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	-
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	839.206.755	851.893.154
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.674.906.755</b>	<b>2.563.329.660</b>

**33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

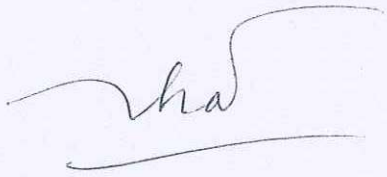
Công ty hiện đang thuê văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.147.588.199.450	2.138.748.458.710
Từ 1 đến 5 năm	5.857.334.365.277	5.981.249.192.600
Trên 5 năm	1.678.410.700.706	1.949.689.552.190
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.683.333.265.433</b>	<b>10.069.687.203.500</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Võ Thị Phương Thảo  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

CHỨNG THỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 28-02-2026

Số CT: 002595-02 /SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN



*Nguyễn Thị Quý*

## EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn)